

80/11/11

**DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG, KHÓA HỌC 2018 - 2019, MỞ TẠI HUYỆN EA H'LEO**

Thi phần V.3: Nghiệp vụ công tác Mặt trận tổ quốc và đoàn thể nhân dân ở cơ sở

Ngày thi: Ngày 26 tháng 8 năm 2019;

Thời gian làm bài:135..... phút;

Phòng thi: Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ea H'leo

SBD	Họ Và Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
01	Văn Thanh Lan Anh	18/08/1985	03		15	7,25	Bảy, hai năm
02	Hoàng Văn An	01/02/1974	02		73	7,25	Bảy, hai năm
03	Ngô Đức An	25/9/1979	03		40	7,75	Bảy, bảy năm
04	Trần Ngọc Anh	02/01/1974	02		2	7,5	Bảy, năm
05	Bế Đình Anh	02/01/1984	02		77	7,5	Bảy, năm
06	Lê Khắc Cảnh	27/10/1980	02		19	7,25	Bảy, hai năm
07	Phùng Chí Cao	02/04/1988	02		38	7,5	Bảy, năm
08	Bùi Đức Chính	16/10/1974	02		19	8,75	Tám, bảy năm
09	Nguyễn Minh Chức	27/03/1985	03		52	7,75	Bảy, bảy năm
10	Nguyễn Thành Chương	15/08/1985	02		4	7,25	Bảy, hai năm
11	Huỳnh Thị Đào	20/8/1976	02		31	7,5	Bảy, năm
12	Hà Thành Đạt	30/6/1973	02		30	7,75	Bảy, bảy năm
13	Từ Thị Kim Điện	26/12/1985	03		41	8,25	Tám, hai năm
14	Võ Thị Hồng Diệp	03/12/1980	03		13	8,0	Tám
15	La Quang Điều	12/01/1977	03		70	8,75	Tám, bảy năm
16	Phạm Văn Đỉnh	02/9/1973	02		42	7,25	Bảy, hai năm
17	Dương Thị Dự	04/7/1974	03		23	7,75	Bảy, bảy năm
18	Hồ Sỹ Dục	26/6/1982	03		26	7,5	Bảy, năm

SBD	Họ Và	Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
19	Trần Anh	Dũng	19/9/1966	03		21	7.25	Bảy, hai năm
20	Phạm Văn	Dũng	26/4/1978	02		55	7.25	Bảy, hai năm
21	Phạm Ngọc	Giang	06/07/1982	03		24	7.5	Bảy, năm
22	Nay	H' Lan	17/05/1981	02		17	7.5	Bảy, năm
23	Phạm Thị	Hà	17/8/1982	02		80	7.5	Bảy, năm
24	Vũ Thị Hồng	Hải	05/5/1984	03		59	7.75	Bảy, bảy năm
25	Trần Sơn	Hạt	02/12/1980	02		58	7.75	Bảy, bảy năm
26	Nông Thị	Hiền	15/04/1985	03		46	7.25	Bảy, hai năm
27	Phan Đức	Hoàng	15/11/1984	03		11	7.5	Bảy, năm
28	Nguyễn Tấn	Hoàng	02/9/1979	03		71	7.25	Bảy, hai năm
29	Trần Thị	Hòe	10/4/1983	03		32	7.75	Bảy, bảy năm
30	Trần Thị Thu	Hồng	29/3/1971	02		25	7.5	Bảy, năm
31	Mai Xuân	Huân	20/07/1981	02		67	7.75	Bảy, bảy năm
32	Nguyễn Thị	Huệ	22/12/1978	02		5	7.5	Bảy, năm
33	Mai Thanh	Hùng	10/01/1979	2		44	7.25	Bảy, hai năm
34	Nguyễn Văn	Hùng	24/04/1981	2		56	7.75	Bảy, bảy năm
35	Đoàn Long	Hung	07/01/1979	2		53	7.5	Bảy, năm
36	Phạm Việt	Hung	03/08/1973	02		69	7.75	Bảy, bảy năm
37	Nghiêm Quốc	Khánh	02/9/1969	03		35	7.5	Bảy, năm
38	Nguyễn Anh	Khoa	16/6/1983	02		28	7.25	Bảy, hai năm
39	Trần	Kiên	13/06/1980	03		36	7.5	Bảy, năm
40	Trần Thị Phương	Lan	03/02/1987	02		44	7.25	Bảy, hai năm
41	Hồ Tấn	Lễ	22/10/1981	02		12	7.25	Bảy, hai năm
42	Lê Văn	Lên	10/05/1978	02		3	7.0	Bảy
43	Lê Tấn	Liêm	20/7/1980	03		63	7.75	Bảy, bảy năm
44	Bùi Thị Kim	Liên	04/03/1985	03		74	7.5	Bảy, năm

SBD	Họ Và Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ	
45	Trần Thị Hải	Liên	24/10/1981	03	<i>Hải</i>	39	80	<i>Tam</i>
46	Phạm Thị	Liều	17/9/1971	02	<i>Thi</i>	27	775	<i>Bảy, bảy năm</i>
47	Nguyễn Đức	Long	01/7/1980	03	<i>Long</i>	65	775	<i>Bảy, bảy năm</i>
48	Trần Cửu	Long	07/01/1979	03	<i>Cửu</i>	50	80	<i>Tam</i>
49	Hà Minh	Luyện	14/06/1977	03	<i>Minh</i>	20	75	<i>Bảy, năm</i>
50	Nguyễn Thị	Lý	20/12/1969	02	<i>Thi</i>	10	725	<i>Bảy, hai năm</i>
51	Nguyễn Thị	Mến	23/11/1975	03	<i>Thi</i>	37	75	<i>Bảy, năm</i>
52	Mai Thị	Minh	13/03/1972	02	<i>Minh</i>	7	75	<i>Bảy, năm</i>
53	Bùi Thị Mỹ	My	16/9/1985	03	<i>My</i>	64	775	<i>Bảy, bảy năm</i>
54	Nguyễn Thị Lê	Na	20/8/1987	03	<i>Na</i>	47	775	<i>Bảy, bảy năm</i>
55	Đinh Thị Tố	Nga	02/01/1986	03	<i>Tố</i>	18	775	<i>Bảy, bảy năm</i>
56	Chu Thị	Ngọc	05/05/1972	03	<i>Thi</i>	1	775	<i>Bảy, bảy năm</i>
57	Đặng Thị	Nguyệt	28/11/1976	03	<i>Thi</i>	9	75	<i>Bảy, năm</i>
58	Nguyễn Văn	Nhớ	16/08/1986	02	<i>Nhớ</i>	57	725	<i>Bảy, hai năm</i>
59	Trần Đức	Nhuận	04/05/1972	02	<i>Nhuận</i>	28	725	<i>Bảy, hai năm</i>
60	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	20/01/1987	03	<i>Nhung</i>	6	75	<i>Bảy, năm</i>
61	Đinh Thị	Nhung	19/01/1981	03	<i>Nhung</i>	16	75	<i>Bảy, năm</i>
62	Phạm Bá	Phong	25/10/1979	02	<i>Phong</i>	75	75	<i>Bảy, năm</i>
63	Phan Thị	Phúc	09/08/1979	03	<i>Phúc</i>	8	775	<i>Bảy, bảy năm</i>
64	Trần Huy	Phúc	06/04/1983	02	<i>Phúc</i>	22	75	<i>Bảy, năm</i>
65	Nguyễn Hoàng	Phuong	03/07/1979	02	<i>Phuong</i>	66	75	<i>Bảy, năm</i>
66	Trần Quang	Thái	10/04/1973	03	<i>Thái</i>	43	725	<i>Bảy, hai năm</i>
67	Hồ Đắc	Thắng	10/10/1969	02	<i>Thắng</i>	45	70	<i>Bảy</i>
68	Bùi Toàn	Thắng	16/4/1975	02	<i>Thắng</i>	68	75	<i>Bảy, năm</i>
69	Nguyễn Thị Vy	Thanh	30/12/1972	02	<i>Thi</i>	29	75	<i>Bảy, năm</i>
70	Trần Đình	Thao	12/09/1980	03	<i>Thao</i>	76	775	<i>Bảy, bảy năm</i>

SBD	Họ Và Tên	Ngày sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
71	Nguyễn Đức Thịnh	24/7/1982	03	<i>Chub</i>	60	75	bảy, năm
72	Nguyễn Thị Thu	25/06/1985	03	<i>02</i>	34	725	bảy, hai năm
73	Nguyễn Kỳ Thuật	31/07/1978	03	<i>02</i>	51	80	tám
74	Nguyễn Thị Bích Thủy	23/9/1976	02	<i>02</i>	33	725	bảy, hai năm
75	Phạm Văn Trung	01/08/1982	02	<i>02</i>	79	75	bảy, năm
76	Nguyễn Minh Tuấn	09/02/1980	03	<i>02</i>	54	80	tám
77	Nguyễn Xuân Tùng	03/9/1966	02	<i>02</i>	62	75	bảy, năm
78	Phan Thị Ánh Tuyết	01/07/1984	02	<i>02</i>	72	775	bảy, bảy năm
79	Bùi Đức Việt	04/01/1980	02	<i>02</i>	78	75	bảy, năm
80	Lê Bá Vũ	10/09/1981	03	<i>02</i>	61	775	bảy, bảy năm

Tổng số: 200 tờ/ 80 bài

GIÁM THỊ 1

02
Lê Thị Thu

Ngày... 02... tháng... 9... năm 2019

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

02
Nguyễn Văn Sĩ

GIÁM THỊ 2

02
Nguyễn Thị Mai

Ngày... 30... tháng... 8... năm 2019

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

02
Đoàn Thị Mai

BÀN GIÁM HIỆU

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

ThS. Ngô Sáu

Ngô Hoàn Thu

02
Lương Thị Mai